

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2018/HS-ST
Ngày 15 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiệu Minh.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 tại: Xã U, huyện I, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn A, xã U, huyện I, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do (lẽ tân nhà nghỉ); trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, có vợ là Nguyễn Hồng V, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, cụ thể đó là: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPHC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Công an huyện I, thành phố Hà Nội xử phạt 1.500.000đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến nay (có mặt).

2. Họ tên: Nguyễn Văn Ê, sinh ngày 16/7/1997 tại: Xã O, huyện X, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 12, xã O, huyện X, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do (lẽ tân nhà nghỉ); trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị N đều sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ê: Ông Triệu Đức Đ là **Luật sư Công ty Luật TNHH Bình Minh** - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Ê: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1970 (là bố bị cáo Ê); nơi cư trú: Khu 12, xã O, huyện X, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bao gồm:

1. Chị Hà Thị M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu 6, xã G, huyện S, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

2. Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm L, xã U, huyện A, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

3. Chị Chu Thị C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu 2, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình bà Lại Thị R, sinh năm 1960 đăng ký HKTT phường O, thành phố Q, tỉnh Vĩnh Phúc được Phòng Tài chính - Thương mại - Kế hoạch thuộc UBND thị xã Q cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ cá thể số 19A000525 ngày 13/6/2003 với ngành nghề kinh doanh: Nhà nghỉ bình dân (G1). Ngày 09/6/2016, bà R không làm nhà nghỉ nữa mà làm hợp đồng ủy quyền cho bà Phùng Thị Thu P1 (có chồng là Nguyễn Đình Anh T1), sinh năm 1981; HKTT tại Khu 5, xã B1, huyện X, tỉnh Phú Thọ tiếp tục quản lý, sử dụng, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động liên quan đến nhà nghỉ. Khoảng tháng 9/2017, bà P1 đã thuê Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 ở xã U, huyện I, thành phố Hà Nội làm lễ tân tại nhà nghỉ G1 với mức lương 4.000.000đ/01 tháng; bà P1 giao cho H việc tổ chức đón khách đến nghỉ, thu tiền nghỉ của khách hàng ngày, sau đó đưa lại cho vợ chồng T1 – P1. Quá trình làm lễ tân tại nhà nghỉ có một số gái bán dâm đến gặp H đặt vấn đề để H tổ chức cho gái bán dâm đến bán dâm tại nhà nghỉ G1. H đồng ý rồi lấy số điện thoại của một số gái bán dâm để khi có người mua dâm thì H sẽ gọi cho gái bán dâm đến; giữa H với gái bán dâm thỏa thuận cứ một lần H gọi cho gái bán dâm đến bán dâm thì H sẽ trả cho gái bán dâm 100.000đ (H thu của người mua dâm 300.000đ) số tiền còn lại H được hưởng. Việc tổ chức hoạt động mua bán dâm tại nhà nghỉ G1 thì H không nói cho vợ chồng T1 – P1 biết. Sau khi H làm được một thời gian thì vợ chồng T1 - P1 tiếp tục thuê thêm Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1977 ở xã O, huyện X, tỉnh Phú Thọ đến cùng làm lễ tân nhà nghỉ với H. Khi Ê đến làm thì H đã bàn và được Ê đồng ý tiếp tục tổ chức hoạt động mua bán dâm tại nhà nghỉ. Sau đó H đã

nói cho Ê biết cách làm như đã nêu trên và cũng không nói cho vợ chồng T1 - P1 biết.

Khoảng 12 giờ ngày 17/11/2017, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn C1 đều ở xã Q1, huyện X1, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà nghỉ G1 với mục đích để mua dâm. Khi đến nơi, L1 và C1 gặp Nguyễn Văn Ê và Nguyễn Văn H là lễ tân nhà nghỉ G1. Tại đây L1, C1 hỏi Ê: “Có gái không” (tức có gái bán dâm không) thì Ê trả lời: “Có”, Ê hỏi: “Đi nhanh à, 300.000đ/1 lượt” được L1 và C1 đồng ý rồi Ê dẫn C1 lên phòng 26 còn L1 lên phòng 28 của nhà nghỉ G1. Sau đó Ê lấy điện thoại di động của Ê có số 01688.220.355 lần lượt gọi vào 02 số điện thoại là 01668.998.459 và 01657.490.772 của 02 gái bán dâm là Đỗ Thị K và H Thị M đến nhà nghỉ G1 bán dâm. Khi K và M đến thì Ê chỉ K lên phòng 26 bán dâm cho C1 còn M lên phòng 28 bán dâm cho L1 rồi Ê đi xuống quầy lễ tân cùng với H. Khoảng 10 phút sau có Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 trú tại xã Q1, huyện X1, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà nghỉ G1 để mua dâm. Khi đến nơi T1 gặp Ê, H ở quầy lễ tân. T1 hỏi Ê, H: “Có nhân viên không” (tức có gái bán dâm không) thì Ê trả lời: “Có, 300.000đ/1 lượt”, T1 đồng ý. Ê dẫn T1 lên phòng 38 để chờ gái bán dâm, còn H lấy điện thoại của H có số 0972.542.281 gọi điện cho gái bán dâm tên Chu Thị C có số điện thoại 01697.343.331 và bảo C đến phòng 38 bán dâm cho T1 được C đồng ý. Tiếp theo có Đào Xuân K1, sinh năm 1980 và Nguyễn Văn M1, sinh năm 1979 đều trú tại Đ1, huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà nghỉ G1 hỏi mua dâm thì H đồng ý và dẫn M1 lên phòng 34, K1 lên phòng 36 của nhà nghỉ G1 chờ gái bán dâm. Lúc này gái bán dâm là C đến và đi lên phòng bán dâm theo sắp xếp của H. Khi đi đến phòng 36 thì C nhìn thấy K1 là người quen nên C vào phòng 36 để bán dâm cho K1 luôn (không đến phòng 38). Sau khi L1 và K, C1 và M thực hiện hành vi mua, bán dâm xong ở các phòng 26, 28 đi ra thì H nói với K, M tiếp tục sang các phòng 34, 36 để bán dâm cho M1, K1; nhưng do C đã vào phòng 36 từ trước nên M không vào phòng 36 nữa mà đi sang phòng 38 để bán dâm cho T1; còn K tiếp tục sang phòng 34 để bán dâm cho M1 theo sự sắp xếp của H.

Trong lúc T1 đang mua bán dâm với M tại phòng 38, M1 đang chuẩn bị mua bán dâm với K tại phòng 34, K1 đang chuẩn bị mua bán dâm với C tại phòng 36 thì L1, C1 xuống quầy lễ tân trả số tiền 600.000đ vừa mua dâm cho H. H cầm tiền và đi ra mở cửa chính nhà nghỉ thì bị Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án cơ quan Công an đã thu giữ bao gồm:

- 03 vỏ bao cao su nhãn hiệu SURE, 03 lõi bao cao su đã qua sử dụng thu tại các phòng 26, 28, 38 của nhà nghỉ G1.

- Số tiền 600.000đ mua bán dâm H nộp lại cho Cơ quan Công an.

- 05 chiếc điện thoại di động các loại gồm: 01 chiếc ĐTDĐ dạng IPHONE 5 màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0168.822.0355 của Nguyễn

Văn Ê; 01 chiếc ĐTDĐ loại KECHAUDA màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0972.542.281 của Nguyễn Văn H; 01 chiếc ĐTDĐ Nokia màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0166.899.8459 của Đỗ Thị K; 01 chiếc ĐTDĐ Nokia màu trắng đã cũ qua sử dụng, số IMEI 1: 357331084837283 của H Thị M và 01 chiếc ĐTDĐ Samsung màu đen đã cũ qua sử dụng, số IMEI 1 356902081938471 của Chu Thị C.

Quá trình điều tra xác định 05 điện thoại các loại đã thu giữ đều sử dụng vào việc phạm tội, số tiền thu giữ là do phạm tội mà có.

Ngoài lần tổ chức mua bán dâm bị bắt quả tang như nêu trên, quá trình điều tra H còn khai cùng Ê nhiều lần tổ chức cho mua, bán dâm tại nhà nghỉ nhưng không nhớ người mua dâm, người bán dâm, ngày, tháng tổ chức. Số tiền thu được khoảng 5.000.000đ (tiền này H sử dụng toàn bộ). Tuy nhiên, Ê không thừa nhận, số gái bán dâm chỉ nhớ bán dâm ngày 17/11/2017 do vậy không đủ cơ sở xử lý đối với H và Ê về hành vi này.

Đối với Phùng Thị Thu P1 là chủ nhà nghỉ G1 đã không biết việc Ê, H tổ chức hoạt động mua bán dâm tại nhà nghỉ này nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự. Tuy nhiên, P1 có hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mại dâm nên Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1, Điều 25, Nghị định 167/2013/NĐ-CP với số tiền phạt là 17.500.000đ đối với P1 do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mại dâm tại nhà nghỉ.

Đối với chị Đỗ Thị K, H Thị M là gái bán dâm đã có hành vi bán dâm cho Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T1. Do đó ngày 29/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP mức phạt 200.000đ.

Đối với Chu Thị C tuy được H gọi đến bán dâm nhưng chưa kịp bán dâm thì bị phát hiện nên cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xử lý hành chính bằng hình phạt cảnh cáo.

Đối với Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T1 là những đối tượng mua dâm, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân của L1, C1 và T1 tại các địa phương mà các đối tượng đã khai. Kết quả điều tra xác định L1, C1 và T1 không cư trú tại các địa phương này, hiện nay chưa rõ các đối tượng này ở đâu. Do vậy, việc Cơ quan Công an tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Đào Xuân K1, Nguyễn Văn M1 là người mua dâm tuy vậy khi cơ quan Công an bắt quả tang thì K1, M1 mới đang ở trong phòng với gái bán dâm

mà chưa kịp mua bán dâm là do yếu tố khách quan. Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xử lý hành chính đối với phạt K1, M1 mỗi người là 750.000đ.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKS-P1 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức hình phạt tù 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ê mức hình phạt tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ do chứa mại dâm mà có; tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 05 điện thoại di động các loại đã thu giữ do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; tịch thu tiêu hủy 03 vỏ và 03 lõi bao cao su đã qua sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ê có quan điểm: Bị cáo Nguyễn Văn Ê là lễ tân nhà nghỉ thực hiện hành vi bố trí gái bán dâm cho khách mua dâm để họ thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của Nguyễn Văn Ê không phải là hành vi chứa mại dâm mà là hành vi môi giới mại dâm nên việc Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đưa ra xét xử về tội “chứa mại dâm” là chưa phù hợp quy định của pháp luật. Trong cùng một khoảng thời gian bị cáo Ê liên tiếp cùng thực hiện hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố, Tòa án đưa ra xét xử về tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét quy định của pháp luật để áp dụng khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” và áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo Ê hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Văn Ê và người đại diện hợp pháp của bị cáo hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Luật sư bào chữa đưa ra mà không bổ sung hay thay đổi gì khác. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Luật sư bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh

Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ê đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm pháp quả tang cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi khoảng 12 giờ ngày 17/11/2017, tại nhà nghỉ G1 các bị cáo Nguyễn Văn Ê và Nguyễn Văn H đều là lễ tân của nhà nghỉ G1 đã thu 600.000đ của Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn C1 rồi gọi điện thoại bảo Đỗ Thị K, H Thị M là các gái bán dâm đến bán dâm cho L1, C1 tại các phòng 26, 28 của nhà nghỉ. Khoảng 10 phút sau có Nguyễn Văn T1 là khách mua dâm đến thì Nguyễn Văn H tiếp tục gọi điện thoại bảo Chu Thị C đến nhà nghỉ vào phòng 38 bán dâm cho T1. Ngay sau đó lại có 02 khách mua dâm nữa là Đào Xuân K1 và Nguyễn Văn M1 đến nhà nghỉ mua dâm thì Ê, H lại bảo K1, M1 lên các phòng 34, 36 rồi bảo K, M là các gái bán dâm đã bán dâm cho L1, C1 trước đó vào bán dâm cho K1, M1. Khi L1, C1 đã mua dâm xong, T1 đang mua bán dâm với M còn K1, M1 đang chuẩn bị mua bán dâm với C, K thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng cơ quan Công an đã thu giữ gồm: 03 vỏ bao cao su, 03 lõi bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 600.000đ mua bán dâm và 05 chiếc điện thoại di động các loại của H, Ê và của các gái bán dâm.

Hành vi tổ chức việc mua bán dâm cho người khác ngay tại nhà nghỉ do các bị cáo có trách nhiệm quản lý, làm lễ tân mà Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê thực hiện đã phạm vào tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm cũng như số lần thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra thì hành vi của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ê đã phạm vào tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm năm:

a,.....

c, Phạm tội nhiều lần”.

Tuy nhiên căn cứ vào Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc thực hiện các quy định của Bộ luật Hình sự có lợi cho người phạm tội. Do vậy hành vi của Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê được áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội "Chứa mại dâm".

Tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm:

a,.....

c, Phạm tội 2 lần trở lên."

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trực tiếp đến danh dự nhân phẩm của phụ nữ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Mại dâm là tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội, phá hoại truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, đồng thời mại dâm còn là một trong những nguyên nhân lan truyền nhiều loại bệnh nguy hiểm khác cho xã hội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Văn Ê là người có sự nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế do không biết chữ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần phải áp

dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo một mức án phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung và đây cũng là cơ hội để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm hoàn lương trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ê, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với quan điểm Luật sư bào chữa cho rằng hành vi của Nguyễn Văn Ê thực hiện không cấu thành tội “chứa mại dâm” mà là hành vi “môi giới mại dâm”: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê là lễ tân nhà nghỉ, được chủ nhà nghỉ giao cho nhiệm vụ quản lý nhà nghỉ, vì mục đích tư lợi các bị cáo đã bố trí cho gái bán dâm và người mua dâm thực hiện hành vi mua bán dâm ngay tại nơi mà các bị cáo có trách nhiệm quản lý. Đó chính là hành vi chứa chấp việc mại dâm, vì vậy hành vi của các bị cáo thực hiện như trên đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố và Tòa án đưa ra xét xử các bị cáo về tội “Chứa mại dâm” là có căn cứ, đúng pháp luật nên quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với việc Luật sư bào chữa cho rằng hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê không phải là nhiều lần để áp dụng tình tiết định khung do pháp luật quy định “Phạm tội 02 lần trở lên”: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê đã thỏa thuận với gái bán dâm là khi có khách mua dâm thì H, Ê gọi cho gái đến bán dâm cho khách tại nhà nghỉ nơi H, Ê làm lễ tân thì phạm vào tội chứa mại dâm như đã phân tích phần trên. Mỗi lần gái bán dâm và người mua dâm thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau là đã hoàn thành một lần mua bán dâm. Vào khoảng 12 giờ ngày 17/11/2017 các bị cáo H và Ê đã bố trí cho K bán dâm cho C1 tại phòng 26, M bán dâm cho L1 tại phòng 28 của nhà nghỉ để thu số tiền 600.000đ, sau đó H, Ê tiếp tục bố trí gái bán dâm C bán dâm cho T1 tại phòng 38 rồi sau đó tiếp tục bố trí cho K, M (sau khi bán dâm xong cho C1, L1 tại phòng 26, 28) bán dâm cho K1 và M1 tại phòng 34 và 36 của nhà nghỉ thì bị pháp hiện, bắt giữ. Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê bố trí nhiều gái bán dâm và nhiều người mua dâm thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau được xác định là nhiều lần thực hiện tội phạm, thời gian của các lần thực hiện tội phạm dài hay ngắn không phải là căn cứ để xác định số lần thực hiện tội phạm. Do vậy quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo là các bị cáo chỉ thực hiện tội phạm một lần không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ê đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo thấy rằng: Như đã phân tích ở phần trên, hành vi do các bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trực tiếp đến danh dự nhân phẩm của phụ nữ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Mại dâm là tệ nạn xã hội gây ảnh

hưởng xấu đến an toàn xã hội, phá hoại truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, đồng thời mại dâm còn là một trong những nguyên nhân lan truyền nhiều loại bệnh nguy hiểm khác trong xã hội. Do đó việc cho bị cáo Nguyễn Văn Ê hưởng án treo, cải tạo tại địa phương không đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung nên đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với 05 điện thoại di động các loại đã thu giữ của các bị cáo và gái bán dâm do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 600.000đ do có nguồn gốc từ chứa mại dâm mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 03 vỏ và 03 lõi bao cao su đã qua sử dụng vì không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xuất phát từ mục đích tư lợi, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê đã thực hiện hành vi chứa mại dâm nên việc áp dụng hình phạt tiền là cần thiết. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm cũng như điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bị cáo Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17/11/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ê 06 (sáu) năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ do có nguồn gốc từ chứa mại dâm mà có.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 05 ĐTDĐ các loại gồm: 01 chiếc ĐTDĐ dạng IPHONE 5 màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0168.822.0355 của Nguyễn Văn Ê; 01 chiếc ĐTDĐ loại KECHAUDA màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0972.542.281 của Nguyễn Văn H; 01 chiếc ĐTDĐ Nokia màu đen đã cũ qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0166.899.8459 của Đỗ Thị K; 01 chiếc ĐTDĐ Nokia màu trắng đã cũ qua sử dụng, số IMEI 1: 357331084837283 của Hà Thị M và 01 chiếc ĐTDĐ Samsung màu đen đã cũ qua sử dụng, số IMEI 1 356902081938471 của Chu Thị C do được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

Tịch thu tiêu hủy 03 vỏ và 03 lõi bao cao su đã qua sử dụng vì không còn giá trị sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng tịch thu tiêu hủy; tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/5/2018 giữa Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc với Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ê mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP; Toà hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn